

Số: 47 /2016/QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 07 tháng 11 năm 2016

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định về cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;*

*Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;*

*Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;*

*Căn cứ Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 723/TTr-STNMT ngày 25/10/2016.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 02/2009/QĐ-UBND ngày 13/01/2009 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành Quy định về ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

**Điều 3.** Các ông (bà) Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã; Chủ tịch

UBND các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: TN&MT, TC;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL (BTP);
- TT.TU, TT.HỢND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- CT, các PCT;
- Như Điều 3;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm tin học – Công báo;
- Lưu: VT.

1411

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

19 CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



*Huỳnh Anh Minh*

**QUY ĐỊNH**

**Về cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường  
đối với hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

*(Bắt đầu kể từ theo Quyết định số 47 /2016/QĐ-UBND  
ngày 07 / 11 /2016 của UBND tỉnh)*

**Chương I  
QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định về cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bình Phước, bao gồm:

1. Trình tự, thủ tục, nội dung thẩm định, phê duyệt, kiểm tra, xác nhận hoàn thành phương án cải tạo, phục hồi môi trường (sau đây gọi tắt là phương án) và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung (sau đây gọi tắt là phương án bổ sung) đối với hoạt động khai thác khoáng sản.

2. Ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan nhà nước; tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản (sau đây gọi tắt là tổ chức, cá nhân) và tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

1. Cải tạo, phục hồi môi trường là hoạt động đưa môi trường, hệ sinh thái tại khu vực môi trường bị tác động về gần với trạng thái môi trường ban đầu hoặc đạt được các tiêu chuẩn, quy chuẩn về an toàn, môi trường, phục vụ các mục đích có lợi cho con người.

2. Ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường là việc tổ chức, cá nhân gửi một khoản tiền vào Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Phước (gọi tắt là Quỹ Bảo vệ môi trường) để bảo đảm trách nhiệm cải tạo, phục hồi môi trường của tổ chức, cá nhân đối với hoạt động khai thác khoáng sản.

3. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường là các giải pháp nhằm cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

## Chương II

### CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

#### **Điều 4. Quy định chung về cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản**

1. Mọi tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phải có phương án cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường trình cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường phải phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch khai thác khoáng sản, quy hoạch sử dụng đất và bảo vệ môi trường của địa phương.

3. Việc cải tạo, phục hồi môi trường phải được thực hiện ngay trong quá trình khai thác khoáng sản.

4. Nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản tiếp tục thuê đất, hưởng các chính sách ưu đãi trong trường hợp cải tạo, phục hồi môi trường thành khu du lịch, khu sinh thái, khu vui chơi giải trí, phục vụ mục đích có lợi cho con người.

#### **Điều 5. Đối tượng lập phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung**

1. Các đối tượng phải lập phương án cải tạo, phục hồi môi trường bao gồm:

- a) Tổ chức, cá nhân lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản;
- b) Tổ chức, cá nhân đang khai thác khoáng sản nhưng chưa có phương án được phê duyệt hoặc chưa ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường;
- c) Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản đã có phương án được phê duyệt nhưng không triển khai thực hiện dự án trong thời gian 24 tháng kể từ thời điểm được phê duyệt thì phải lập lại phương án.

2. Các đối tượng phải lập phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung bao gồm:

- a) Tổ chức, cá nhân đã có giấy phép khai thác khoáng sản và phương án được phê duyệt nhưng thay đổi diện tích, độ sâu, công suất khai thác khoáng sản;
- b) Tổ chức, cá nhân đề nghị thay đổi nội dung cải tạo, phục hồi môi trường so với phương án đã được duyệt.

3. Các trường hợp sau không phải lập phương án:

- a) Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích ranh giới của dự án đầu tư xây dựng công trình được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho phép đầu tư mà sản phẩm khai thác chỉ sử dụng cho xây dựng công trình đó;

b) Hộ gia đình, cá nhân khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích đất ở thuộc quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân để xây dựng các công trình trong diện tích đó.

### **Điều 6. Thời điểm lập, trình thẩm định, nội dung phương án và phương án bổ sung**

1. Thời điểm lập, trình thẩm định phương án và phương án bổ sung được quy định như sau:

a) Tổ chức, cá nhân có dự án đầu tư khai thác khoáng sản quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 5 phải lập, trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt phương án trước khi xin cấp giấy phép khai thác khoáng sản;

b) Tổ chức, cá nhân quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 ngoài việc bị xử phạt vi phạm hành chính phải lập, trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt phương án theo quy định;

c) Tổ chức, cá nhân quy định tại Khoản 2 Điều 5 phải lập, trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt phương án bổ sung trước khi xin cấp phép khai thác khoáng sản mới hoặc thay đổi giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường.

2. Phương án bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Đặc điểm khai thác khoáng sản, hiện trạng môi trường tự nhiên, kinh tế, xã hội và hệ sinh thái bị tác động trong quá trình khai thác khoáng sản;

b) Các giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường; phân tích, đánh giá, lựa chọn giải pháp tốt nhất để cải tạo, phục hồi môi trường;

c) Danh mục, khối lượng các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường đối với giải pháp lựa chọn;

d) Kế hoạch thực hiện; phân chia kế hoạch thực hiện theo từng năm, từng giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường; chương trình quản lý, giám sát trong thời gian cải tạo, phục hồi môi trường; kế hoạch kiểm tra, xác nhận hoàn thành phương án;

đ) Bảng dự toán kinh phí để tiến hành cải tạo, phục hồi môi trường cho từng hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường của phương án đã lựa chọn; các khoản tiền ký quỹ theo lộ trình.

3. Phương án bổ sung bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Đặc điểm khai thác khoáng sản, hiện trạng môi trường tự nhiên, kinh tế, xã hội của khu vực thực hiện dự án tại thời điểm lập phương án bổ sung;

b) Những thay đổi về nội dung cải tạo, phục hồi môi trường so với phương án đã được phê duyệt; phân tích, đánh giá, lựa chọn giải pháp tốt nhất để cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung;

c) Danh mục, khối lượng các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung;

d) Kế hoạch thực hiện; phân chia kế hoạch thực hiện theo từng năm, từng giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường; chương trình quản lý, giám sát trong thời gian

cải tạo, phục hồi môi trường; kế hoạch kiểm tra, xác nhận hoàn thành phương án bổ sung;

đ) Dự toán kinh phí để tiến hành cải tạo, phục hồi môi trường theo từng hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung, không bao gồm các hạng mục đã thực hiện.

**Điều 7. Hồ sơ đề nghị thẩm định, phê duyệt phương án, phương án bổ sung**

1. Đối với trường hợp quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 5 và Điểm a Khoản 2 Điều 5 có phương án hoặc phương án bổ sung và báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc cùng một cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thì lập phương án hoặc phương án bổ sung theo mẫu quy định tại Phụ lục số 2 hoặc Phụ lục số 4 ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT và nộp kèm theo hồ sơ đề nghị thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường. Văn bản đề nghị thẩm định, phê duyệt theo mẫu quy định tại Phụ lục số 1B ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT.

2. Hồ sơ đề nghị thẩm định, phê duyệt phương án trong trường hợp không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này:

a) Văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục số 1A ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT;

b) 07 (bảy) bản phương án theo mẫu quy định tại Phụ lục số 2 ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT;

c) 01 (một) bản sao báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc bản cam kết bảo vệ môi trường hoặc bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường hoặc đề án bảo vệ môi trường đơn giản hoặc đề án bảo vệ môi trường chi tiết đã được phê duyệt hoặc xác nhận.

3. Hồ sơ đề nghị thẩm định, phê duyệt phương án bổ sung trong trường hợp không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này:

a) Văn bản đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục số 1A ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT;

b) 07 (bảy) bản phương án bổ sung theo mẫu quy định tại Phụ lục số 4 ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT;

c) 01 (một) bản sao báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc bản cam kết bảo vệ môi trường hoặc bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường hoặc đề án bảo vệ môi trường đơn giản hoặc đề án bảo vệ môi trường chi tiết đã được phê duyệt hoặc xác nhận;

d) 01 (một) bản sao phương án kèm theo quyết định đã được phê duyệt.

**Điều 8. Thẩm định phương án, phương án bổ sung**

1. Đối với trường hợp Quy định tại khoản 1 Điều 7 quy định này, trình tự, thủ tục thẩm định được thực hiện theo trình tự, thủ tục thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường. Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện các nội dung sau:

a) Xem xét tính hợp lệ của hồ sơ;

b) Tham mưu UBND tỉnh thành lập hội đồng thẩm định: Thành phần hội đồng thẩm định phải bao gồm cả thành phần hội đồng thẩm định phương án quy định tại Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 19/2015/NĐ-CP. Quyết định thành lập hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và phương án, phương án bổ sung được lập theo mẫu quy định tại Phụ lục số 5B ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT;

c) Tổ chức các hoạt động kiểm tra thực địa, kiểm chứng các thông tin, số liệu; lấy mẫu phân tích kiểm chứng; tham vấn ý kiến của các tổ chức, cá nhân có liên quan; thuê các chuyên gia, tổ chức xã hội - nghề nghiệp phản biện trong trường hợp có đề nghị của cơ quan thường trực thẩm định phương án;

d) Tổ chức họp hội đồng thẩm định: Biên bản họp hội đồng thẩm định được lập theo mẫu quy định tại Phụ lục số 6B ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT.

2. Đối với trường hợp không thuộc quy định tại Khoản 1 Điều này, việc thẩm định phương án, phương án bổ sung được thực hiện theo Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 19/2015/NĐ-CP. Trình tự thẩm định như sau:

a) Trong thời hạn không quá 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thành lập hội đồng thẩm định. Quyết định thành lập hội đồng thẩm định được lập theo mẫu quy định tại Phụ lục số 5A ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ thì trong thời hạn không quá 5 (năm) ngày làm việc Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân biết để hoàn thiện hồ sơ;

b) Trường hợp cần thiết, trong thời hạn không quá 12 (mười hai) ngày làm việc kể từ ngày thành lập hội đồng thẩm định, Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành các hoạt động: kiểm tra thực địa, kiểm chứng các thông tin, số liệu; lấy mẫu phân tích kiểm chứng tại địa điểm thực hiện phương án, phương án bổ sung và khu vực kế cận; tham vấn ý kiến của các tổ chức, cá nhân có liên quan; thuê các chuyên gia, tổ chức xã hội - nghề nghiệp phản biện các nội dung của phương án, phương án bổ sung;

c) Trong thời hạn không quá 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành các nội dung quy định tại Điểm a hoặc Điểm b Khoản 2 Điều này, Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức họp hội đồng thẩm định. Biên bản họp hội đồng thẩm định, bản nhận xét phương án, phương án bổ sung, phiếu đánh giá phương án, phương án bổ sung được lập theo mẫu quy định tại Phụ lục số 6A, Phụ lục số 7, Phụ lục số 8 ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT;

d) Trong thời hạn 06 (sáu) ngày làm việc kể từ ngày tổ chức họp hội đồng thẩm định, Sở Tài nguyên và Môi trường phải thông báo bằng văn bản kết quả thẩm định cho tổ chức, cá nhân;

đ) Sau khi nhận thông báo kết quả thẩm định, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm:

Chỉnh sửa, hoàn thiện nội dung phương án, phương án bổ sung trong trường hợp phương án, phương án bổ sung được hội đồng thẩm định đồng ý thông qua, thông qua với điều kiện chỉnh sửa, bổ sung. Thời hạn chỉnh sửa, bổ sung không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày ban hành văn bản thông báo kết quả thẩm định. Thời gian chỉnh sửa, hoàn thiện không tính vào thời gian thẩm định, phê duyệt. Quá thời gian chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ, tổ chức, cá nhân phải lập lại phương án, phương án bổ sung;

Lập lại phương án, phương án bổ sung và nộp lại trong trường hợp phương án, phương án bổ sung được hội đồng thẩm định không đồng ý thông qua; trình tự thẩm định được thực hiện như đối với trường hợp nộp hồ sơ lần đầu.

### **Điều 9. Phê duyệt phương án, phương án bổ sung**

1. Đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 8 Quy định này trình tự, thủ tục phê duyệt phương án, phương án bổ sung thực hiện theo trình tự, thủ tục phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường. Sở Tài nguyên và môi trường thực hiện các nội dung sau:

a) Kiểm tra, rà soát sự phù hợp, đầy đủ của hồ sơ và các nội dung sau khi tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, hoàn thiện theo kết luận của hội đồng thẩm định;

b) Trình UBND tỉnh phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và phương án, phương án bổ sung. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và phương án, phương án bổ sung được lập theo mẫu tại Phụ lục số 9B ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT.

2. Trường hợp không thuộc quy định tại Khoản 1 Điều này:

a) Nếu phương án, phương án bổ sung được thông qua không phải chỉnh sửa, bổ sung, tổ chức, cá nhân đóng dấu giáp lai và nộp lại phương án, phương án bổ sung cho Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét và trình UBND tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt với số lượng phải đủ để gửi tới các địa chỉ: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh 01 (một) bản; Sở Tài nguyên và Môi trường 01 (một) bản kèm theo 01 (một) đĩa CD ghi toàn bộ dữ liệu; UBND cấp huyện nơi thực hiện dự án 01 (một) bản; tổ chức, cá nhân 01 (một) bản.

b) Nếu phương án, phương án bổ sung được thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung, sau khi chỉnh sửa, bổ sung, tổ chức, cá nhân đóng dấu giáp lai phương án, phương án bổ sung kèm theo văn bản giải trình cụ thể và gửi đến Sở Tài nguyên xem xét và trình UBND tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt với số lượng quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này;

c) Trong thời hạn không quá 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đề nghị phê duyệt, UBND tỉnh ban hành quyết định phê duyệt phương án, phương án bổ sung, và xác nhận vào mặt sau trang phụ bìa của phương án, phương án bổ sung. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện phê duyệt thì cơ quan có thẩm quyền có ý kiến bằng văn bản nêu rõ lý do. Quyết định phê duyệt phương án,



quyết định phê duyệt phương án bổ sung và mẫu xác nhận vào mặt sau phụ bìa theo mẫu quy định tại Phụ lục số 9A, Phụ lục số 9C, Phụ lục số 10 ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT.

3. Cơ quan phê duyệt gửi quyết định phê duyệt kèm theo phương án, phương án bổ sung đã được phê duyệt cho tổ chức, cá nhân và các cơ quan quy định tại Khoản 2 Điều này; gửi 01 (một) quyết định phê duyệt đến quỹ bảo vệ môi trường nơi tiếp nhận tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường.

**Điều 10. Kiểm tra, xác nhận hoàn thành từng phần phương án, phương án bổ sung**

1. Thời hạn xác nhận hoàn thành từng phần phương án, phương án bổ sung tối đa là 40 (bốn mươi) ngày làm việc kể từ ngày Sở Tài nguyên và Môi trường nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.

2. Trình tự kiểm tra, xác nhận:

a) Trong thời hạn không quá 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thành lập đoàn kiểm tra. Thành phần đoàn kiểm tra gồm: đại diện của cơ quan xác nhận, đại diện cơ quan cấp phép khai thác khoáng sản, các chuyên gia về môi trường, khoáng sản và lĩnh vực liên quan; đại diện cơ quan quản lý môi trường địa phương, quỹ bảo vệ môi trường nơi tổ chức, cá nhân ký quỹ. Trường hợp cần thiết, cơ quan xác nhận mời thêm đơn vị giám sát chất lượng công trình, chất lượng môi trường và một số đơn vị liên quan tham gia đoàn kiểm tra. Quyết định thành lập đoàn kiểm tra theo mẫu quy định tại Phụ lục số 16 ban hành kèm theo Thông tư 38/2015/TT-BTNMT. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ, cơ quan xác nhận thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân biết để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

b) Trong thời hạn không quá 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày thành lập đoàn kiểm tra, cơ quan xác nhận tiến hành kiểm tra thực địa; kết quả kiểm tra thực địa được thể hiện bằng biên bản kiểm tra theo mẫu quy định tại Phụ lục số 17 ban hành kèm theo Thông tư 38/2015/TT-BTNMT. Cơ quan xác nhận được thuê cơ quan có chức năng đo đạc, lấy mẫu kiểm chứng các thông tin, số liệu trong báo cáo;

c) Trong thời hạn không quá 20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy xác nhận hoàn thành từng phần phương án, phương án bổ sung theo mẫu quy định tại Phụ lục số 18 ban hành kèm theo Thông tư 38/2015/TT-BTNMT;

d) Trường hợp cần thiết, cơ quan xác nhận lấy ý kiến bằng văn bản cơ quan cấp phép khai thác khoáng sản về trữ lượng khoáng sản nằm trong diện tích khu vực đã thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường. Thời gian lấy ý kiến không tính vào thời gian xác nhận hoàn thành từng phần phương án, phương án bổ sung;

đ) Trường hợp hạng mục, công trình đã thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường có chất lượng và khối lượng không phù hợp với phương án, phương án bổ



sung đã được phê duyệt thì cơ quan xác nhận thông báo bằng văn bản nêu rõ các vấn đề còn tồn tại để tổ chức, cá nhân khắc phục và hoàn thiện.

3. Kết quả xác nhận trả trực tiếp tại cơ quan xác nhận hoặc qua đường bưu điện.

4. Trường hợp tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản đề nghị trả lại một phần diện tích đã khai thác, trình tự, thủ tục kiểm tra, xác nhận hoàn thành từng phần được thực hiện theo trình tự, thủ tục phê duyệt, nghiệm thu đề án đóng cửa mỏ khoáng sản do Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định. Trong quá trình nghiệm thu đề án đóng cửa mỏ từng phần phải có sự tham gia và ý kiến bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền thẩm định phương án. Quyết định đóng cửa mỏ từng phần thay thế giấy xác nhận hoàn thành từng phần phương án, phương án bổ sung.

#### **Điều 11. Xác nhận hoàn thành toàn bộ phương án, phương án bổ sung**

1. Việc kiểm tra, xác nhận hoàn thành toàn bộ nội dung phương án hoặc phương án bổ sung được thực hiện trong quá trình nghiệm thu kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ. Nội dung quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản bao gồm nội dung xác nhận hoàn thành toàn bộ phương án hoặc phương án bổ sung. Quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản thay thế giấy xác nhận hoàn thành toàn bộ phương án hoặc phương án bổ sung.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường phải tiến hành kiểm tra các nội dung về xác nhận hoàn thành toàn bộ phương án, phương án bổ sung trong quá trình thẩm định, trình phê duyệt và nghiệm thu kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ.

3. Trình tự, thủ tục xác nhận hoàn thành toàn bộ phương án, phương án bổ sung được thực hiện theo trình tự, thủ tục phê duyệt, nghiệm thu đề án đóng cửa mỏ khoáng sản do Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định.

### **Chương III**

## **KÝ QUỸ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**

**Điều 12. Ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản**

1. Số tiền ký quỹ bằng tổng kinh phí thực hiện các hạng mục công trình cải tạo, phục hồi môi trường. Kinh phí thực hiện từng hạng mục công trình cải tạo, phục hồi môi trường phải áp dụng định mức, đơn giá của địa phương tại thời điểm lập phương án hoặc phương án bổ sung. Trường hợp địa phương không có định mức, đơn giá thì áp dụng theo định mức, đơn giá của Bộ, ngành tương ứng. Trong trường hợp Bộ, ngành không có đơn giá thì áp dụng theo giá thị trường.

2. Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phải thực hiện ký quỹ hằng năm hoặc theo giai đoạn có tính tới yếu tố trượt giá.

3. Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phải thực hiện ký quỹ tại Quỹ Bảo vệ môi trường. Tiền ký quỹ được nộp, hoàn trả bằng tiền đồng Việt Nam.

4. Tiền ký quỹ được hưởng lãi suất bằng lãi suất cho vay của Quỹ Bảo vệ môi trường nơi ký quỹ và được tính từ thời điểm ký quỹ. Tổ chức, cá nhân chỉ được rút tiền lãi một lần sau khi có giấy xác nhận hoàn thành toàn bộ nội dung phương án hoặc phương án bổ sung.

5. Việc hoàn trả khoản tiền ký quỹ trên cơ sở tổ chức, cá nhân đã hoàn thành từng phần hoặc toàn bộ nội dung cải tạo, phục hồi môi trường theo phương án hoặc phương án bổ sung được phê duyệt.

6. Trường hợp, tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản đã ký quỹ nhưng giải thể hoặc phá sản và chưa thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường theo đúng phương án hoặc phương án bổ sung được phê duyệt thì cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án hoặc phương án bổ sung có trách nhiệm sử dụng số tiền đã ký quỹ bao gồm cả tiền lãi để thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

### **Điều 13. Tính toán khoản tiền ký quỹ**

1. Tổng số tiền ký quỹ (chưa bao gồm yếu tố trượt giá) bằng tổng kinh phí của các hạng mục công trình cải tạo, phục hồi môi trường. Phương pháp tính và dự toán chi phí cải tạo, phục hồi môi trường được quy định tại Phụ lục số 11 ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT.

2. Số tiền ký quỹ hàng năm (chưa bao gồm yếu tố trượt giá) được tính bằng tổng số tiền ký quỹ trừ đi số tiền ký quỹ lần đầu quy định tại Khoản 2 Điều 14 sau đó chia đều cho các năm còn lại theo thời gian trong dự án đầu tư hoặc Giấy phép khai thác khoáng sản.

3. Tổ chức, cá nhân nộp số tiền ký quỹ hàng năm phải tính đến yếu tố trượt giá và được xác định bằng số tiền ký quỹ hàng năm quy định tại Khoản 2 Điều này nhân với chỉ số giá tiêu dùng của các năm trước đó tính từ thời điểm phương án, phương án bổ sung được phê duyệt. Chỉ số giá tiêu dùng hàng năm áp dụng theo công bố của Tổng cục Thống kê cho địa phương nơi khai thác khoáng sản hoặc cơ quan có thẩm quyền.

#### **4. Thời gian ký quỹ**

a) Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản mới, thời gian ký quỹ được xác định theo dự án đầu tư được cơ quan có thẩm quyền thẩm định nhưng tối đa không được quá 30 (ba mươi) năm;

b) Trường hợp tổ chức, cá nhân đã có Giấy phép khai thác khoáng sản: thời gian ký quỹ xác định theo thời hạn còn lại trong Giấy phép khai thác khoáng sản tính từ thời điểm phê duyệt phương án, phương án bổ sung;

c) Trường hợp Giấy phép khai thác có thời hạn khai thác khác với thời gian đã tính trong phương án, phương án bổ sung đã phê duyệt thì tổ chức, cá nhân điều chỉnh nội dung và tính toán số tiền ký quỹ theo thời gian trong Giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp và gửi cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án, phương án bổ sung để xem xét, điều chỉnh.



#### **Điều 14. Phương thức ký quỹ**

1. Trường hợp tổ chức, cá nhân có Giấy phép khai thác khoáng sản có thời hạn dưới 03 (ba) năm thì thực hiện ký quỹ một lần. Mức tiền ký quỹ bằng 100% (một trăm phần trăm) số tiền được phê duyệt, có tính yếu tố trượt giá tại thời điểm ký quỹ.

2. Trường hợp tổ chức, cá nhân có Giấy phép khai thác khoáng sản có thời hạn từ 03 (ba) năm trở lên thì được phép ký quỹ nhiều lần. Số tiền ký quỹ lần đầu phải tính tới yếu tố trượt giá tại thời điểm ký quỹ và được xác định như sau:

a) Giấy phép khai thác khoáng sản có thời hạn dưới 10 (mười) năm: mức ký quỹ lần đầu bằng 25% (hai mươi lăm phần trăm) tổng số tiền ký quỹ;

b) Giấy phép khai thác khoáng sản có thời hạn từ 10 (mười) năm đến dưới 20 (hai mươi) năm: mức ký quỹ lần đầu bằng 20% (hai mươi phần trăm) tổng số tiền ký quỹ;

c) Giấy phép khai thác khoáng sản có thời hạn từ 20 (hai mươi) năm trở lên: mức ký quỹ lần đầu bằng 15% (mười lăm phần trăm) tổng số tiền ký quỹ.

3. Số tiền ký quỹ có tính tới yếu tố trượt giá được tổ chức, cá nhân tự kê khai, nộp tiền ký quỹ và thông báo cho Quỹ bảo vệ môi trường nơi ký quỹ theo mẫu quy định tại Phụ lục số 12 ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT.

4. Trường hợp tổ chức, cá nhân đã thực hiện ký quỹ theo quy định của pháp luật nhưng dừng hoạt động khai thác từ 01 (một) năm trở lên thì phải làm văn bản báo cáo cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án, phương án bổ sung để điều chỉnh lại khoản tiền ký quỹ của các lần tiếp theo.

5. Trường hợp tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản hoặc mua bán, đổi tên, sáp nhập, hợp nhất doanh nghiệp thì tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản hoặc tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu mới của doanh nghiệp phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ về cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường theo phương án, phương án bổ sung đã phê duyệt.

#### **Điều 15. Thời điểm ký quỹ và tiếp nhận tiền ký quỹ**

1. Thời điểm thực hiện ký quỹ:

a) Tổ chức, cá nhân đang khai thác khoáng sản thực hiện ký quỹ lần đầu trong thời hạn không quá 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày được phê duyệt phương án, phương án bổ sung;

b) Tổ chức, cá nhân được cấp Giấy phép khai thác khoáng sản mới thực hiện ký quỹ lần đầu trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ;

c) Trường hợp ký quỹ nhiều lần, việc ký quỹ từ lần thứ hai trở đi phải thực hiện trước ngày 31 tháng 01 của năm ký quỹ.

2. Tiếp nhận tiền ký quỹ:

a) Nơi nhận tiền ký quỹ được quy định tại khoản 3 Điều 12 của Quy định này;

b) Quỹ Bảo vệ môi trường có trách nhiệm kiểm tra tính chính xác của khoản tiền ký quỹ và cấp Giấy xác nhận đã ký quỹ cho tổ chức, cá nhân theo mẫu quy định tại Phụ lục số 13 ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT.

### **Điều 16. Hoàn trả tiền ký quỹ**

1. Nguyên tắc hoàn trả tiền ký quỹ:

a) Việc hoàn trả tiền đã ký quỹ được thực hiện theo quy định tại Khoản 4, Khoản 5 Điều 12 của Quy định này.

b) Các khoản tiền đã ký quỹ không liên quan trực tiếp đến kinh phí thực hiện các công trình cải tạo, phục hồi môi trường được hoàn trả 01 (một) lần sau khi xác nhận hoàn thành toàn bộ phương án, phương án bổ sung.

2. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Giấy xác nhận hoàn thành cải tạo, phục hồi môi trường, nơi nhận tiền ký quỹ hoàn trả tiền ký quỹ cho tổ chức, cá nhân.

3. Việc hoàn trả khoản tiền ký quỹ đối với tổ chức, cá nhân trả lại hoặc bị thu hồi Giấy phép khai thác khoáng sản được thực hiện sau khi có quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản.

## **Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 17. Trách nhiệm của các cơ quan đơn vị có liên quan**

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Tiếp nhận, tham mưu UBND tỉnh thẩm định, phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường và phương án cải tạo phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh đối với các đối tượng Quy định tại khoản 1 Điều 7 quy định này.

b) Tiếp nhận thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt phương án, phương án bổ sung trong khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.

c) Tổ chức kiểm tra, xác nhận hoàn thành từng phần phương án, phương án bổ sung thuộc thẩm quyền kiểm tra, xác nhận của UBND tỉnh.

d) Kiểm tra, hướng dẫn việc ký quỹ và thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường của các tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản theo thẩm quyền;

đ) Rà soát, kiểm tra, đôn đốc các tổ chức, cá nhân trên địa bàn thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định. Ban hành quyết định xử phạt hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền ra quyết định xử phạt về chậm ký quỹ theo quy định của pháp luật.

e) Hàng năm, tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường tình hình thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường trước ngày 31 tháng 12 hằng năm theo mẫu quy định tại Phụ lục số 20

ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

g) Cập nhật cơ sở dữ liệu về cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản tại trang thông tin điện tử: <http://www.caithienmoitruong.vea.gov.vn>.

## 2. Trách nhiệm của Quỹ Bảo vệ môi trường

a) Tiếp nhận và xác nhận bằng văn bản về việc ký quỹ của các tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản;

b) Hoàn trả tiền ký quỹ và lãi suất tiền ký quỹ cho các tổ chức, cá nhân theo quy định;

c) Quản lý, sử dụng tiền ký quỹ theo đúng quy định của pháp luật. Hằng năm, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính về tình hình quản lý, sử dụng tiền ký quỹ;

d) Đôn đốc các tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản thực hiện ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đúng hạn; kiến nghị cấp có thẩm quyền ra quyết định xử phạt về việc chậm ký quỹ.

## 3. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản

a) Lập, trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt phương án hoặc phương án bổ sung; thông báo nội dung phương án hoặc phương án bổ sung đã được phê duyệt cho UBND, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã nơi có hoạt động khai thác khoáng sản để kiểm tra, giám sát;

b) Thực hiện việc cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường theo đúng quy định;

c) Lập, trình cấp có thẩm quyền đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành từng phần hoặc toàn bộ phương án hoặc phương án bổ sung;

d) Nộp phí thẩm định, kiểm tra, xác nhận hoàn thành phương án hoặc phương án bổ sung theo quy định của pháp luật;

đ) Báo cáo công tác thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường về cơ quan phê duyệt phương án hoặc phương án bổ sung và cơ quan quản lý về bảo vệ môi trường tại địa phương trước ngày 15 tháng 12 hằng năm.

## 4. Trách nhiệm của UBND cấp huyện, cấp xã

a) UBND cấp huyện tham gia các phiên họp thẩm định phương án cải tạo phục hồi môi trường và phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung.

b) UBND cấp huyện, xã phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong công tác kiểm tra, đôn đốc các tổ chức, cá nhân trên địa bàn thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường.

**Điều 18. Điều khoản thi hành**

1. Đối với các nội dung khác liên quan đến nội dung cải tạo, phục hồi môi trường và kỹ quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản không có trong Quy định này thì thực hiện theo Quy định tại Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản và văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện Quy định này. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, đề nghị kiến nghị bằng văn bản về UBND tỉnh (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường) để xem xét, giải quyết./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KỶ CHỨC TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



*Nguyễn Anh Minh*

